TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST
Ngày: 04-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 34/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hữu M, chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng N1 chi nhánh T, Sóc Trăng. Địa chỉ: Số A ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (ông M có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Thanh Ú, sinh năm 1987 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Thanh H (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị X (vắng mặt);

3. Ông Huỳnh Thanh N (vắng mặt);

4. Ông Huỳnh Thanh H1 (vắng mặt);

5. Ông Huỳnh Thanh P (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Huỳnh Thanh H2 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bà Huỳnh Ngọc P1 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bà Huỳnh Ngọc H3 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên toà:*

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L có ký Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201700769/HĐTD ngày 09/6/2017 và số 7608LAV201900700/HĐTD ngày 25/4/2019 với Ngân hàng N1 chi nhánh T1. Tổng số tiền vay được nhận ngày 09/6/2017 và 19/3/2020 là 300.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L đã dùng tài sản của gia đình mình để thế chấp cho Ngân hàng N1 chi nhánh T1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201700218/HĐTC ngày 6/6/2017 giữa Ngân hàng N1 chi nhánh T1 với ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị X, ông Huỳnh Thanh P, ông Huỳnh Văn H4, bà Huỳnh Thị H5, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Thanh Ú. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Huỳnh Thanh H thuộc thửa số 136, 138, 100, tờ bản đồ số 14, diện tích 38.920m^2, loại đất: T 300m^2 + LNK 9.420m^2 + Mùa 29.200m^2, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C614377, số vào sổ cấp giấy 00073 do UBND huyện M cấp ngày 06 tháng 5 năm 1994. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, để phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 05/6/2021.

Nay Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L trả nợ (gốc và lãi phát sinh) tại Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201700769/HĐTD ngày 09/6/2017 và số 7608LAV201900700/HĐTD ngày 25/4/2019 cho Ngân hàng N1 tổng số tiền là 411.445.386 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 294.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tính đến 04/7/2023 là 117.445.386 đồng (lãi trong hạn 90.016.437 đồng, lãi quá hạn 27.428.949 đồng) và yêu cầu trả lãi trong hạn và quá hạn phát sinh sau ngày 04/7/2023 đến ngày trả tất nợ.

Trong trường hợp ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L không thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Ngân hàng N1 thì đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Huỳnh Thanh Ú, bà Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị X, ông Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh H1, ông Huỳnh Thanh P, ông Huỳnh Thanh H2, bà Huỳnh Ngọc P1, bà Huỳnh Ngọc H3: Vắng mặt và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Toà án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Còn đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền còn nợ là 411.445.386 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 294.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 04/7/2023 là 117.445.386 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Trường hợp ông Huỳnh Thanh Ú, bà Nguyễn Thị L không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng N1 thì đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201700218/HĐTC ngày 6/6/2017 giữa Ngân hàng N1 chi nhánh T1 với ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị X, ông Huỳnh Thanh P, ông Huỳnh Văn H4, bà Huỳnh Thị H5, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Thanh Ú. Tài sản thế chấp là thửa đất số 136, 138, 100, tờ bản đồ số 14, diện tích 38.920 m^2, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, phát mãi cùng tài sản gắn liền với đất là 01 chòi tôm tại thửa số 100 của ông Huỳnh Thanh Ú có diện tích ngang 08m, dài 10m, nền đất, vách lá, khung cột gỗ tạp, mái lá, đỡ mái gỗ tạp; 01 căn nhà của ông Huỳnh Thanh H tại thửa số 136 nhà trước có diện tích ngang 8,5m, dài 14m, kết cấu nền gạch men, vách tường, mái tol thiếc, đỡ mái sắt hộp, la phông thạch cao; nhà sau có diện tích ngang 8,5m, dài 06m, kết cấu nền gạch men, vách tường, mái tol thiếc, đỡ mái sắt hộp, la phông ván ép cách nhiệt; nhà sinh hoạt liền kề ngang 08m, dài 10m, nền gạch men, vách tường, mái tol nhôm cách nhiệt, đỡ mái sắt hộp, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C614377, số vào sổ cấp giấy 00073 do UBND huyện M cấp ngày 06 tháng 5 năm 1994 cho hộ ông Huỳnh Thanh H để ngân hàng thu hồi nợ.

Đề nghị tuyên án phí, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Xét thấy bị đơn ông Huỳnh Thanh Ú, bà Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị X, ông Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh H1, ông Huỳnh Thanh P, ông Huỳnh Thanh H2, bà Huỳnh Ngọc P1, bà Huỳnh Ngọc H3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 về việc trả số tiền vay:

[2.1] Ngân hàng N1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Ú, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền còn nợ là 411.445.386 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 294.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 04/7/2023 là 117.445.386 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Chứng cứ Ngân hàng N1 đưa ra là Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201700769/HĐTD ngày 09/6/2017 và số 7608LAV201900700/HĐTD ngày 25/4/2019, giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201700218/HĐTC ngày 6/6/2017, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 08/6/2017. Bị đơn ông Ú, bà L đã được Toà án cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[2.2] Nhận thấy khi thực hiện thỏa thuận vay tài sản, nguyên đơn Ngân hàng N1 đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền như cam kết cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn khi đến hạn làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và vi phạm Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng N1 yêu cầu bị đơn ông Ú, bà L thanh toán số tiền nợ gốc là 294.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thoả thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến 04/7/2023 là 117.445.386 đồng, trong đó lãi trong hạn là 90.016.437 đồng, lãi quá hạn là 27.428.949 đồng và ông Ú, bà L phải trả lãi phát sinh sau ngày 04/7/2023 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ.

[2.4] Ông Ú bà L là vợ chồng. Mục đích vay tiền là để nuôi tôm phục vụ cho nhu cầu của gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định ông Ú bà L phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ vay cho phía nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201700218/HĐTC ngày 6/6/2017. Đại

diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên cho ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 136, 138, 100, tờ bản đồ số 14, diện tích 38.920 m^2, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số C614377, số vào sổ cấp giấy 00073 do UBND huyện M cấp ngày 06 tháng 5 năm 1994 cho hộ ông Huỳnh Thanh H và tài sản gắn liền với đất để ngân hàng thu hồi nợ. Nhận thấy hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M đúng theo quy định. Vì vậy, trong trường hợp ông Ú, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N1 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định.

[3.2] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì tại thửa đất số 100 có 01 cái chòi tôm của ông Huỳnh Thanh Ú, diện tích ngang 08m, dài 10m, nền đất, vách lá, khung cột gỗ tạp, mái lá, đỡ mái gỗ tạp; tại thửa số 136 có 01 căn nhà của ông Huỳnh Thanh H, nhà trước có diện tích ngang 8,5m, dài 14m, kết cấu nền gạch men, vách tường, mái tol thiếc, đỡ mái sắt hộp, la phông thạch cao; nhà sau có diện tích ngang 8,5m, dài 06m, kết cấu nền gạch men, vách tường, mái tol thiếc, đỡ mái sắt hộp, la phông ván ép cách nhiệt; nhà sinh hoạt liền kề ngang 08m, dài 10m, nền gạch men, vách tường, mái tol nhôm cách nhiệt, đỡ mái sắt hộp, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy mặc dù các bên không thế chấp tài sản gắn liền với đất nhưng căn cứ Điều 325 Bộ luật Dân sự thì các tài sản trên vẫn thuộc tài sản thế chấp.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng, ông Ú, bà L phải liên đới chịu. Do Ngân hàng N1 đã nộp tạm ứng trước nên ông Ú, bà L phải có nghĩa vụ liên đới nộp 700.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng N1 theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Ú, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.457.800 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng N1 không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh Ú, bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc bị đơn ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền còn nợ là 411.445.386 đồng (Bốn trăm mười một triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 294.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 04/7/2023 là 117.445.386 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201700769/HĐTD ngày 09/6/2017 và Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201900700/HĐTD ngày 25/4/2019.

2. Trong trường hợp ông Huỳnh Thanh Ú, bà Nguyễn Thị L không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng N1 thì Ngân hàng N1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201700218/HĐTC ngày 6/6/2017 giữa Ngân hàng N1 chi nhánh T1 với ông Huỳnh Thanh H, bà Nguyễn Thị X, ông Huỳnh Thanh P, ông Huỳnh Văn H4, bà Huỳnh Thị H5, bà Huỳnh Thị P2, ông Huỳnh Thanh Ú. Tài sản thế chấp là thửa đất số 136, 138, 100, tờ bản đồ số 14, diện tích 38.920 m^2, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, phát mãi cùng tài sản gắn liền với đất là 01 chòi tôm tại thửa số 100 của ông Huỳnh Thanh Ú có diện tích ngang 08m, dài 10m, nền đất, vách lá, khung cột gỗ tạp, mái lá, đỡ mái gỗ tạp; 01 căn nhà của ông Huỳnh Thanh H tại thửa số 136 nhà trước có diện tích ngang 8,5m, dài 14m, kết cấu nền gạch men, vách tường, mái tol thiếc, đỡ mái sắt hộp, la phông thạch cao; nhà sau có diện tích ngang 8,5m, dài 06m, kết cấu nền gạch men, vách tường, mái tol thiếc, đỡ mái sắt hộp, la phông ván ép cách nhiệt; nhà sinh hoạt liền kề ngang 08m, dài 10m, nền gạch men, vách tường, mái tol nhôm cách nhiệt, đỡ mái sắt hộp, địa chỉ ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C614377, số vào sổ cấp giấy 00073 do UBND huyện M cấp ngày 06 tháng 5 năm 1994 cho hộ ông Huỳnh Thanh H để ngân hàng thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Thanh Ú và bà Nguyễn Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.457.800 đồng (Hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Ngân hàng N1 không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002821 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Thanh Ú, bà Nguyễn Thị L phải liên đới nộp chi phí tố tụng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng N1, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự, đại diện ĐS;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến